

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày 01/02/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay và
đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Long
Ông Lý Văn Tìl

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 673/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Linh Sâm R**, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trường H, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Thị Minh – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Định B, xã Định M, huyện L, thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Bảo Kim T**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Ngọc Tr**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Trường T2, xã Trường X, huyện L, thành phố C.

Người làm chứng: Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 427B/13, phường B, quận K, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Linh Sâm R trình bày:

Vào ngày 23/10/2021, ông có nhận Ông Nguyễn Ngọc T vào làm thuê, công việc của ông T là thu tiền bán hàng trả góp của khách hàng. Sau khi vào làm ông có giao các phiếu bán hàng trả góp cho ông T đi thu tiền khách hàng, nếu khách hàng nào đã trả tiền thì có ký xác nhận của khách hàng trên phiếu bán hàng. Tuy nhiên, sau khi thu tiền của khách hàng ông T không giao lại cho ông nên ông trình báo Công an xã trên tỉnh Tiền G và Công an có mời ông T làm việc nhưng không lập biên bản và cũng không lấy lời khai của ông T. Sau khi được Công an triệu tập thì ông T về tự kiểm phiếu và báo lại với ông là ông T đã thu 253 phiếu với tổng số tiền là 413.000.000đồng. Cũng trong thời gian ông T làm thuê thì nguyên đơn có giao cho ông T làm đội trưởng bán hàng và có trách nhiệm gom tiền của các anh em bán hàng và giao lại cho ông. Mặc dù, các anh em bán hàng đã giao cho ông T số tiền của 20 phiếu bán hàng là 20.000.000đồng nhưng ông T không giao lại cho ông.

Ngoài ra, ông có cho ông T mượn số tiền 150.000.000đồng, ông T có ký xác nhận nợ vay ngày 08/4/2022 cùng với xác nhận số tiền chiếm đoạt hơn 400.000.000đồng và có ông Trần Văn B chứng kiến.

Mặc dù, ông đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền trên nhưng ông T vẫn không trả. Do đó, ông R yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả số tiền của 253 phiếu hàng là 413.000.000đồng, tiền 20.000.000đồng thu từ các anh em bán hàng trả góp và 150.000.000đồng tiền vay, ông không yêu cầu tính lãi, nhưng ông T phải chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, Ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Vào tháng 10 năm 2021, ông R có nhận ông vào làm thuê cho cửa hàng của ông R kinh doanh kệ inox, bàn, ghế mũ..., công việc của ông được thuê là thu tiền bán hàng trả góp. Trong thời gian làm việc ông R có đưa cho ông các phiếu mà khách hàng còn nợ để ông đi thu và giá trị mỗi phiếu khoảng 1.400.000đồng. Tuy nhiên, số phiếu mất có phiếu đã thu tiền của khách hàng và đã giao lại tiền cho ông R, có phiếu chưa thu tiền của khách hàng. Do ông R giữ sổ và kiểm phiếu nên khi ông R báo lại cho ông là mất phiếu thì ông chỉ biết mất phiếu. Đến tháng 4/2022 thì ông R cho rằng ông đã làm mất hơn 200 phiếu (bao gồm phiếu đã thu tiền của khách hàng và phiếu chưa thu), ông R tự quy đổi ra số tiền 150.000.000đồng và buộc ông phải ký giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2022, đồng thời ông R có yêu cầu ông tiếp tục làm và phải trừ lương hàng tháng để trả số nợ 150.000.000đồng, nhưng ông chỉ làm được hơn 01 tháng thì ông R đã thuê người khác làm và cho ông nghỉ việc.

Ông thừa nhận chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc T trên giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2022 là của ông, về nội dung giấy xác nhận do ông R ghi, thời điểm ký giấy

xác nhận nợ không có người làm chứng Trần Văn B và cũng không có dòng chữ “Trong khi đó tôi đã chiếm đoạt số tiền hơn bốn trăm triệu”.

Đối với số tiền 20.000.000đồng là tiền ông R cho những anh em bán hàng tạm ứng trước trong thời gian đó có 08 người bán hàng và ông là người đại diện nhận để giao lại cho anh em, số tiền này sẽ trừ lại vào tiền lương của các anh em bán hàng và ông R đã trừ lại hết số tiền này.

Trong thời gian ông làm thuê cho ông R, giữa ông với ông R không có thỏa thuận việc vay mượn tiền mà chỉ có nhận nợ 150.000.000đồng mà ông R đã buộc ông phải ký nhận nợ ngày 08/4/2022, do ông chưa giao tiền của các phiếu hàng mà ông đã thu của khách hàng. Ngoài ra, không còn nợ số tiền nào khác nên ông chỉ đồng ý trả cho ông R số tiền còn nợ theo giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2022 là 150.000.000đồng, ông không đồng ý trả số tiền 413.000.000đồng và 20.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng, ông Trần Văn B trình bày:

Giữa ông với ông T là anh em bán hàng chung, không có mâu thuẫn, còn ông R làm chủ. Trong thời gian bán hàng cho ông R, ông có làm chứng việc ông T mượn tiền ông R 150.000.000, có ký giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2022 và ông có ký tên nhân chứng trên giấy xác nhận nợ đó, đồng thời ông có chứng kiến việc giao nhận tiền giữa ông R và ông T. Trên tờ giấy xác nhận nợ, ngoài việc xác nhận ông T vay 150.000.000đồng còn có nội dung ông T còn nợ hơn 400.000.000đồng tiền thu nợ khách hàng nhưng chưa giao lại cho ông R, đồng thời có ông chứng kiến khi kiểm phiếu hàng và ông T xác nhận nợ lại tiền thu trên tổng số 253 phiếu. Ngoài ra, ông còn biết ông T có nhận tiền của các anh em bán hàng 20.000.000đồng, nhưng ông T không giao lại cho ông R.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông T trả số tiền vay 150.000.000đồng, tiền thu bán hàng trả góp do Văn phòng luật sư làm thất lạc 01 phiếu nên ông chỉ yêu cầu 252 phiếu thu bán hàng trả góp với số tiền 405.320.000đồng và 20.000.000đồng ông T đã thu của các anh em bán hàng.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình hòa giải và đồng ý trả 150.000.000đồng, không đồng ý với yêu cầu của ông R về việc buộc ông phải trả số tiền 405.320.000đồng và 20.000.000đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bị đơn đã thừa nhận chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc T trong giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2022 là của bị đơn. Khi ký giấy xác nhận nợ, bị đơn là người có nhận thức đầy đủ, đã xem nội dung trước khi ký tên, đồng thời người làm không có mâu thuẫn với bị đơn và lời khai của người làm chứng là phù hợp với chứng cứ. Tuy nhiên, do sơ suất nên Văn phòng luật sư làm thất lạc 01 phiếu thu bán hàng trả góp của nguyên đơn nên chỉ còn lại 252 phiếu và tại phiên tòa nguyên đơn cũng xác định yêu cầu bị đơn trả tiền của 252 phiếu. Vì vậy, đề nghị Tòa án áp dụng

Điều 353 và Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 575.320.000đồng bao gồm tiền vay 150.000.000đồng, tiền thu của khách hàng trả góp 252 phiếu là 405.320.000đồng và tiền bán hàng 20.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 150.000.000đồng, tiền thu của khách hàng mua trả góp 405.320.000đồng và số tiền 20.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 227 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu trả tiền vay và tiền bán hàng trả góp: Vào tháng 10 năm 2021, nguyên đơn có nhận bị đơn vào làm tại Cửa hàng gia dụng Ngọc P do nguyên đơn làm chủ. Công việc của bị đơn là thu tiền của khách hàng đã mua hàng trả góp theo từng biên nhận bán hàng trả góp, mỗi phiếu có giá trị cao thấp khác nhau tùy thuộc vào hàng hóa mà khách hàng đã mua. Trong khoảng thời gian từ khi vào làm đến tháng 3/2022 thì ông T đã nhận 1.697 phiếu đi thu tiền khách hàng và theo lời thừa nhận của bị đơn thì còn hơn 200 phiếu thu bị đơn chưa giao tiền lại cho nguyên đơn. Mặc dù, bị đơn cho rằng giá trị của hơn 200 phiếu thu đã được quy đổi thành 150.000.000đồng và có ký giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2022. Tuy nhiên, theo giấy xác nhận nợ nêu trên thì 150.000.000đồng là tiền vay và còn nợ số tiền bị đơn đã thu của khách hàng nhưng chưa giao lại cho nguyên đơn. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã chứng minh được tổng số phiếu mà bị đơn đã thu nhưng chưa giao tiền lại cho nguyên đơn là 252 phiếu (có xác nhận của khách hàng trả tiền trên từng phiếu) với tổng số tiền là 405.320.000đồng, đồng thời lời khai của người làm chứng là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền vay 150.000.000đồng và 405.320.000đồng của 252 phiếu thu bán hàng trả góp là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả 20.000.000đồng, trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn cho rằng đây là tiền mà nguyên đơn cho bị đơn mượn. Nhưng trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn xác định đây là số tiền của 20 phiếu bán hàng mà bị đơn đã thu của các anh em trong đội bán hàng là có sự mâu thuẫn. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có nhận 20.000.000đồng của các anh em trong đội bán hàng, nhưng bị đơn cho rằng đã tạm ứng ngược lại cho các anh em bán hàng theo sự chỉ đạo của nguyên đơn và sẽ được nguyên đơn trừ vào tiền lương của các anh em bán hàng. Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận có việc cho tạm ứng, cũng như trừ vào tiền lương và bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh việc cho tạm ứng 20.000.000đồng là chỉ đạo của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lại số tiền này cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự: Bị đơn phải chịu theo quy định.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 166, Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Linh Sâm R số tiền 575.320.000đồng (trong đó tiền vay 150.000.000đồng, tiền của 252 phiếu hàng là 405.320.000đồng và 20.000.000đồng là tiền của 20 phiếu bán hàng). Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải chịu tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Thời gian và cách trả do Cơ quan thi hành án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 26.212.800đồng, ông Nguyễn Ngọc T phải chịu. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí 14.575.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005829 ngày 17/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Giúp Đỡ